

Independence High School

2022 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường



Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

Tổng quan



Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường học công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo Dục California (California Department of Education – CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.

Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem Trang Mạng về LCFF của CDE <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>

Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. trang Web Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> nêu chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học viên. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2022 – 2023

Tên Trường	Independence High School (Trường Trung Học Độc Lập)
Đường	617 North Jackson Avenue
Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip	San Jose, CA, 95133-1703
Số điện thoại	408-928-9500
Hiệu trưởng	Bjorn Berg
Địa chỉ Email	BergBj@esuhsd.org
Trang web của Trường	independence.esuhsd.org
Mã Học khu của Quận (CDS)	43694274330031

Thông tin liên hệ của học khu năm học 2022-23

Tên Học khu	East Side Union High School District (Học Khu Trung Học Phổ Thông East Side Union)
Số điện thoại	(408) 347-5000
Giám đốc	Glenn Vander Zee
Địa chỉ Email	VanderzeeG@esuhsd.org
Website Học khu	www.esuhsd.org

Tổng quan trường học năm học 2022-23

Khẩu hiệu của nhà trường – Nơi học sinh tìm được niềm đam mê, mục đích và lối đi cho bản thân.

Tầm nhìn của Independence High School là một cộng đồng đa văn hoá, mang lại cho học sinh các cơ hội phong phú để phát triển bản thân và học tập, đồng thời tôn vinh tính đa dạng, sự thân thuộc và quyền tiếp cận cho tất cả mọi người.

KIM CHỈ NAM CỦA CHÚNG TÔI như sau –

Công bằng. Chúng tôi giải quyết sự bất bình đẳng và tập trung nguồn lực để đáp ứng nhu cầu của tất cả học sinh.

Cộng đồng. Chúng tôi nuôi dưỡng một cộng đồng lấy mối quan hệ làm trọng, nơi tất cả học sinh và người lớn đều cảm nhận được sự gắn kết và thân thương.

Thành thực. Chúng tôi khích lệ học sinh hướng tới sự thành thực thông qua nền tảng kỹ năng và kiến thức vững chắc để không ngừng phát triển và đạt được thành công trong tương lai.

Independence High School có sĩ số học sinh chỉ 2,500 em trên diện tích 105 acre. Ngoài các môn tự chọn cho toàn bộ học sinh, nhà trường còn là địa điểm đặt một số California Partnership Academy (Học viện Đối tác California). Các học viện của chúng tôi chú trọng vào Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Nghệ thuật và Toán học (STEAM), Sư phạm và Tài chính, các lớp khiêu vũ, ban nhạc, dàn nhạc, kịch nghệ, xây dựng, ô tô/giao thông vận tải và chương trình Tiến lên bằng Quyết tâm Cá nhân (AVID). Chúng tôi đã bổ sung rất nhiều khóa học Bồi dưỡng Nâng cao mới. Chúng tôi đang kết hợp Kết quả Học tập của Học sinh (SIXER) vào việc dạy và học của trường, để tất cả các em học sinh đều sẵn sàng cho đại học và nghề nghiệp khi tốt nghiệp. Thông qua khoản tài trợ từ Goodwill, chúng tôi có thể cung cấp một chương trình sau giờ học phong phú, bao gồm nhiều hoạt động dạy kèm học thuật, rèn luyện thể chất và tham gia nghệ thuật. Chương trình còn cung cấp một bữa ăn đầy đủ, nóng sốt cho học sinh. Chúng tôi tiếp tục tổ chức các đội thể thao đa dạng và thành công cùng nhiều CLB nhà trường, bao gồm cả những câu lạc bộ chuyên tâm cho việc tôn vinh những nền văn hóa của người dân khu vực chúng ta. Independence High School là trung tâm văn hoá và là viên ngọc quý ở phía đông San Jose.

Giới thiệu về Trường

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022 – 2023

Cấp lớp	Số Học sinh
Lớp 9	653
Lớp 10	685
Lớp 11	695
Lớp 12	678
Tổng Ghi danh	2,711

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022-23

Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	48.0
Nam	52.0
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người	0.2
Người gốc Châu Á	36.2
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	2.0
Người Phi Luật Tân	16.2
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	36.6
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo	1.1
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	2.7
Người Da trắng	3.2
Sinh viên nói tiếng anh	20.7
Những đứa con nuôi	0.2
Vô gia cư	0.6
Nhập cư	0.5
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	48.7
Học sinh khuyết tật	10.0

A. Điều kiện Học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2020 – 2021

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	108.20	90.09	943.40	83.36	228366.10	83.12
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	1.60	1.33	29.90	2.65	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	3.80	3.21	71.80	6.35	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	2.20	1.91	25.50	2.25	12115.80	4.41
Không xác định	4.10	3.45	60.90	5.39	18854.30	6.86
Tổng số vị trí giảng dạy	120.10	100.00	1131.80	100.00	274759.10	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2021 – 2022

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)						
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp						
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)						
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)						
Không xác định						
Tổng số vị trí giảng dạy						

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được xem là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/bổ nhiệm	2020-21	2021-22
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	1.00	
Bổ nhiệm sai	2.80	
Các vị trí còn trống	0.00	
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai	3.80	

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được xem là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận	1.80	
Tùy chọn phân công nội bộ	0.50	
Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn	2.20	

Phân công lớp học năm học 2021 – 2022

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	3.90	
Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	8.40	

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang web Cập nhật Định nghĩa Vốn chủ sở hữu của Giáo viên tại <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

Chất lượng, tình trạng cập nhật, tình trạng sẵn có của sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác

Independence High School sử dụng sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy đã được Ủy ban Chính sách Giảng dạy (IPC) của chúng tôi phê duyệt và thông qua. Các học liệu này chủ yếu hỗ trợ trực tiếp việc giảng dạy dựa trên tiêu chuẩn, phù hợp với việc giảng dạy cốt lõi chung.

Tháng, năm thu thập dữ liệu

November 2022

Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
Độc/Ngôn ngữ	Tiếng Anh 1 – “Ngôn ngữ Văn học” Lớp 9, McDougal Littell 2002 Tiếng Anh 2 – “Ngôn ngữ Văn học” Lớp 10, McDougal Littell 2002	Có	0%

	<p>Tiếng Anh 3 – Góc nhìn của tôi: Văn học Mỹ//Pearson ERWC (Tiếng Anh 4) – Khoá Đọc Viết Văn thuyết minh 2021 Bồi dưỡng Nâng cao (AP) Thành phần và Ngôn ngữ – Độc giả Norton AP Thành phần và Ngôn ngữ – Nhập môn Văn học</p>		
Toán	<p>Tiêu chuẩn Tiểu bang Kiến thức Cốt lõi Chung (CCSS) Toán 1 – “Ý tưởng Lớn Toán học Tích hợp I”, Big Ideas Learning, LLC 2016 CCSS Toán 2 – “Ý tưởng Lớn Toán học Tích hợp II”, Big Ideas Learning, LLC 2016 CCSS Toán 3 – “Ý tưởng Lớn Toán học Tích hợp III”, Big Ideas Learning, LLC 2016 Giải tích Toán học – “Giải tích sơ bộ với các giới hạn, Một cách tiếp cận bằng đồ thị 8e” Cengage Learning 2020, 2015 AP Giải tích AB – “Giải tích 11e” Cengage Learning 2018, 2014 AP Giải tích BC – “Giải tích 11e” Cengage Learning 2018, 2014 AP Số Liệu Thống Kê – Luyện tập Số liệu Thống kê, Bản cập nhật lần thứ 6: BFW; 2020 Khám phá Khoa học máy tính – ECS: Khám phá Khoa học máy tính; Joanna Goode, Gail Chapman 2016 AP Khoa học máy tính A – Tài liệu trực tuyến Suy luận Toán học qua Các mối quan hệ – tài liệu về MRWC do trường Đại học Tiểu bang California (CSU) cung cấp</p>	Có	0%
Khoa học	<p>Tiêu chuẩn Khoa học cho Thế hệ tiếp (NGSS) cho môn Sinh học – Trái đất Sống – Sách điện tử CK-12 NGSS Hóa học trong Hệ thống Trái đất – Sách điện tử CK-12 NGSS Vật lý Vũ trụ – Sách điện tử CK-12 Khoa học Pháp y – Giới thiệu thực hành về khoa học pháp y, 2014 AP Sinh học – Campbell AP Sinh học qua lăng kính, ấn bản thứ nhất – Prentice Hall 2004 AP Hóa học – Hóa học – bộ môn Khoa học Trung tâm – Brown & Lemay AP Vật lý 1 và 2 – Vật lý AP – Cutnell and Johnson, Wiley 2012 AP Khoa học Môi trường – Sống trong Môi trường – Miller/Spoonman – Cengage 2015 AP Vật lý C – Vật lý hiện đại (MOD) cho các Nhà khoa học và Kỹ sư – Knight/Pearson 2013 Sinh lý học – Giải phẫu và Sinh lý học căn bản của Hole, McGraw Hill, 2002 Sinh học Biển – Khoa học Biển – AMSCO 2004 Trái đất sống Cơ bản – Sách điện tử CK-12 Khoa học Vật lý Cơ bản – Sách điện tử CK-12</p>	Có	0%
Lịch sử-Khoa học Xã hội	<p>Lịch sử Thế giới – “Lịch Sử Thế Giới Hiện Đại” McDougal-Littell 2003 Lịch sử Mỹ – “Tầm nhìn nước Mỹ” Glencoe/McGraw Hill 2006 Chính quyền Hoa kỳ – “Chính phủ đang sống! Quyền lực, Chính trị và Quý vị” TCI 2014 Kinh tế học – “Kinh tế học đang sống! Quyền được chọn” TCI 2015</p>	Có	0%

	AP Lịch sử Thế giới – “Trái đất và Con người Phiên bản AP” Cengage Learning 2018 AP Lịch sử Mỹ – “Lịch sử Mỹ cho Khóa học AP” Bedford 2014 AP Chính phủ – “Chính phủ ở nước Mỹ” Pearson Learning 2014 AP Kinh tế Vĩ mô/Vi mô – “Kinh tế học (AP)” McGraw Hill 2014 AP Địa lý Con người – AP Địa lý Con người – “Địa lý Con người cho Khóa học AP” 2022 AP Tâm lý học – “Tâm lý học AP” Worth 2015 Địa lý Thế giới – “Địa lý đang sống!” TCI 2011		
Ngoại ngữ	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
Giáo dục Sức khỏe	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
Nghệ thuật Hình Ảnh và Trình Diễn	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9-12)	Phòng thí nghiệm khoa học được trang bị đầy đủ	Có	0%

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Tổng quan

Học khu nỗ lực để đảm bảo rằng tất cả trường học đều sạch sẽ, an toàn và hoạt động bình thường. Để hỗ trợ nỗ lực này, Học khu sử dụng một công cụ khảo sát cơ sở vật chất được State of California Office of Public School Construction (Văn phòng Xây dựng trường công lập của Tiểu bang California) xây dựng. Kết quả của cuộc khảo sát có sẵn ở văn phòng nhà trường và văn phòng học khu.

Quy trình và Lịch Vệ sinh

Hội đồng Chương quản của học khu đã thông qua tiêu chuẩn vệ sinh cho toàn bộ trường học trong học khu. Hàng ngày, bộ phận Lãnh đạo làm việc với nhân viên giám hộ để xây dựng lịch vệ sinh nhằm bảo đảm giữ gìn vệ sinh và an toàn cho trường học.

Ngân sách Bảo trì Trì hoãn

Học khu tham gia Chương trình Bảo trì Trì hoãn cho Trường học của Tiểu bang, cấp quỹ đối ứng cấp tiểu bang trên cơ sở từng đồng, để hỗ trợ chi phí cho các học khu bảo trì hoặc thay mới đáng kể các cấu phần của tòa nhà trong trường hiện có. Thông thường, điều này bao gồm phần mái nhà, hệ thống ống nước, sửa ẩm, điều hoà không khí, điện, sơn nội thất hoặc ngoại thất và hệ thống sàn nhà.

Thời gian đi vào hoạt động của các tòa nhà trong trường

Dù cơ sở chính của nhà trường được xây vào năm 1976, nhưng phần lớn các tòa nhà đều đã được cải tạo hoặc chuẩn bị được cải tạo.

Dự án Hiện đại hoá

Nhà hát hoàn thành việc cải tạo và bàn giao cho Independence High School vào tháng Mười Hai năm 2015. Điều này đã thúc đẩy chương trình biểu diễn nghệ thuật của chúng tôi, vốn là nền tảng của nhà trường trong nhiều thập kỷ. Một Trung tâm Nghệ thuật Trực quan được khánh thành vào năm 2016. Văn phòng chính và phòng khám sức khoẻ ở N-1, cũng như trung tâm tư vấn và không gian hướng dẫn/đổi mới dành cho học sinh ở N-2 đang chứng tỏ là những cách rất hiệu quả để học sinh và phụ huynh tìm kiếm và nhận được sự trợ giúp họ cần.

Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Trong năm học 2004 – 2006, quỹ của Dự luật Công khổ Phiếu A và G địa phương, quỹ đối ứng của tiểu bang đã được dùng để cải tạo các cơ sở vật chất hiện tại. Hoàn thành xây dựng lại phòng thể dục chính. Ngoài ra, học khu đã nỗ lực hết mình để cải tạo và tuân hành yêu cầu của Điều IV. Independence đã hoàn thiện việc cải tạo phòng để đồ của nam và nữ, đảm bảo tiêu chuẩn Đạo luật Người Mỹ Khuyết tật (ADA) và Điều IV. Trong năm học 2011 – 2013, với sự trợ giúp của phần quỹ Dự luật Công khổ Phiếu G còn lại cùng nguồn tài trợ bổ sung của Dự luật Công khổ Phiếu E, bể bơi và nhảy cầu cỡ Olympic của nhà trường đã được nâng cấp, bao gồm một hệ thống lọc nước, ván nhảy cầu và thang máy tuân theo ADA mới. Sân vận động Thể thao Quốc tế Jim Plunkett/Lee Evans đã được trải lớp đất cỏ mới và đường chạy điền kinh đã được lát lại. Ngoài ra, cỏ mới đã được trải mới ở tất cả các sân chính. Những dự án tương lai bao gồm khu phức hợp nghệ thuật trực quan mới, tòa nhà quản trị tân tiến và trung tâm biểu diễn nghệ thuật được cải tạo. Công nghệ tiếp tục là một trọng tâm ở Independence. Tiền sẽ được dành riêng cho việc nâng cấp máy tính và bổ sung các phòng thí nghiệm di động. Mạng không dây phủ sóng toàn trường.

Việc cải tạo đã được Hội đồng Cơ sở Trường học phê duyệt, hiện nhà trường đang chờ phân bổ quỹ Dự luật Công khổ Phiếu Z.

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:

Tháng Bảy năm 2022

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tốc độ Tốt	Tốc độ Bình thường	Tốc độ Không Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
Hệ thống: Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cổng rãnh	X			
Bên trong: Các Bề Mặt Bên trong			X	Gạch trần nhà bị hư hại ở nhiều phòng học. Đã lập biên bản và trao đổi với Nhân viên Giám hộ của cơ sở nhà trường để giải quyết vấn đề.
Sạch Sẻ: Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X			
Điện	X			
Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X			
Bảo vệ: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X			
Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			
Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			

Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể

Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
	X		

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Đọc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).
4. **Sẵn sàng cho Đại học và Nghề nghiệp**
Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Báo cáo SARC trong năm học 2020 – 2021

Trong trường hợp có lựa chọn khả thi nhất, LEA phải thực hiện bài đánh giá tổng kết toàn tiểu bang cho môn ELA và Toán. Trong trường hợp đánh giá tổng kết trên toàn tiểu bang không phải là lựa chọn khả thi nhất cho LEA (hoặc cho một hoặc nhiều cấp lớp trong LEA) do tình hình dịch bệnh, LEA được phép báo cáo kết quả từ một kỳ thi đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí do Ủy ban Giáo dục Tiểu bang (SBE) thiết lập vào ngày 16 tháng 3 năm 2021. Các kỳ thi đánh giá phải:

- Phù hợp với Tiêu chuẩn cốt lõi chung của bang California cho môn ELA và Toán;
- Dành cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11; và
- Được quản lý thống nhất trên một cấp lớp, khoảng lớp, trường học hoặc khu học chánh đối với tất cả các học sinh đủ điều kiện.

Tùy chọn

Lưu ý rằng các kỳ thi đánh giá thay thế của bang California (CAA) chỉ có thể được thực hiện trực tiếp tuân theo các yêu cầu về sức khỏe và an toàn. Nếu LEA không thể thực hiện CAA trực tiếp với các hướng dẫn về sức khỏe và an toàn tại địa điểm thi, LEA được phép không thực hiện các bài kiểm tra. Không có tùy chọn đánh giá nào khác cho CAA. Các trường thực hiện bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn cho môn ELA và Toán, các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE hoặc kết hợp cả hai, và chỉ có thể chọn một trong những tùy chọn sau:

- Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán;
- Các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE; hoặc
- Kết hợp cả bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán và các bài đánh giá khác.

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 21 có giá trị N/A vì những dữ liệu này không thể so sánh với dữ liệu năm khác do đại dịch COVID-19 trong suốt năm học 2020 – 21. Trong trường hợp các kỳ thi CAASPP môn ELA và/hoặc Toán không phải là tùy chọn khả thi nhất, LEA được phép thực hiện các kỳ thi đánh giá nội bộ. Dữ liệu năm học 2020 – 21 trong dữ liệu các năm của trường, học khu và tiểu bang không phải không thích hợp để so sánh. Do đó việc so sánh kết quả của năm học 2020 – 21 với các năm học khác là không phù hợp.

Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết quả kỳ thi ELA và môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	69	Không có thông tin	58	Không có thông tin	47
Toán (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	36	Không có thông tin	34	Không có thông tin	33

2021-22 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thăm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	661	484	73.22	26.78	69.21
Nữ	311	230	73.95	26.05	72.17
Nam	349	253	72.49	27.51	66.80
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	274	233	85.04	14.96	74.68
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	13	9	69.23	30.77	--
Người Phi Luật Tân	120	93	77.50	22.50	70.97
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	207	116	56.04	43.96	55.17
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	17	13	76.47	23.53	69.23
Người Da trắng	22	16	72.73	27.27	87.50
Sinh viên nói tiếng anh	126	77	61.11	38.89	16.88
Những đứa con nuôi	0	0	0.00	0.00	0.00
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0.00	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	238	155	65.13	34.87	55.48
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	55	21	38.18	61.82	14.29

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện

Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	662	509	76.89	23.11	36.35
Nữ	311	244	78.46	21.54	32.79
Nam	350	264	75.43	24.57	39.77
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	274	237	86.50	13.50	51.90
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	13	10	76.92	23.08	--
Người Phi Luật Tân	121	99	81.82	18.18	31.31
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	207	129	62.32	37.68	13.95
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	17	14	82.35	17.65	35.71
Người Da trắng	22	16	72.73	27.27	43.75
Sinh viên nói tiếng anh	126	84	66.67	33.33	8.33
Những đứa con nuôi	0	0	0.00	0.00	0.00
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0.00	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	238	161	67.65	32.35	24.22
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	55	24	43.64	56.36	0.00

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Khoa học (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	NT	40.08	NT	37.64	28.5	29.47

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	1282	706	55.07	44.93	40.08
Nữ	610	339	55.57	44.43	37.46
Nam	671	366	54.55	45.45	42.62
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Châu Á	519	330	63.58	36.42	47.88
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	25	9	36	64	--
Người Phi Luật Tân	244	125	51.23	48.77	44
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	386	187	48.45	51.55	24.6
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	17	8	47.06	52.94	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	41	24	58.54	41.46	45.83
Người Da trắng	46	23	50	50	47.83
Sinh viên nói tiếng anh	234	109	46.58	53.42	0.92
Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	453	230	50.77	49.23	29.57
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	105	44	41.9	58.1	11.36

Chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật năm học 2021 – 2022

Independence High School cung cấp cho các em các khóa học để hỗ trợ học sinh sẵn sàng bước chân vào thị trường việc làm. Các khóa giáo dục nghề nghiệp và kỹ thuật (CTE) dành cho tất cả học sinh. Ngoài các khóa học có sẵn ở Independence, học sinh lớp 11, 12 còn có cơ hội tham gia Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật Silicon Valley (SV-CTE). Independence có những chương trình ở các lĩnh vực sau: Tài chính và Kinh doanh, Công nghệ Thông tin, Học viện Sư phạm, Ô tô (Giao thông Vận tải), Công nghệ, Học viện Điện tử và Mộc/Xây dựng. Với trọng tâm vào Tiêu chuẩn Cốt lõi Chung, nhà trường chú trọng vào giáo dục từ Đại học đến Nghề nghiệp.-----

Tham gia chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật (CTE) năm học 2021 – 2022

Tiêu chuẩn Đo lường	Tham gia Chương trình CTE
Số Học Sinh Tham Gia CTE	892
Phần trăm học sinh hoàn tất một Chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	57
Phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học cơ sở	

Ghi danh khóa học/hoàn thành

Bảng này cho biết việc ghi danh khóa học/hoàn thành các yêu cầu nhập học của Đại học California (UC) và/hoặc Đại học Bang California (CSU).

Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần trăm
Các Học sinh Năm học 2021 – 2022 Ghi danh vào Các Khóa học Bắt buộc để Vào UC/CSU	97.12
Các Học sinh Tốt nghiệp Năm học 2020 – 2021 Đã Hoàn thành Tất cả Các Khóa học Bắt buộc để Vào UC/CSU	53.45

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

Kết quả kiểm tra thể chất bang California năm học 2021 – 2022

Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào từng thành phần trong năm thành phần thể chất của Kết quả kiểm tra thể chất bang California. Do những thay đổi đối với công tác quản lý PFT năm học 2021 – 2022, chỉ cần có kết quả tham gia cho năm lĩnh vực thể chất này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Cấp lớp	Thành phần 1: Năng lực hiếu khí	Thành phần 2: Sức mạnh thô và sức bền của cơ bụng	Thành phần 3: Chuyển động uốn thân mình về sau, Sức mạnh thô và sức dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh thô và sức bền của thân trên	Thành phần 5: Sức dẻo dai
Lớp 5	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Lớp 7	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Lớp 9	69%	83%	83%	81%	83%

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2022 – 2023

Trung tâm Phụ huynh của chúng tôi khuyến khích mối quan hệ hợp tác giữa học sinh, gia đình và nhà trường. Trung tâm này cung cấp các nguồn lực hỗ trợ và hội thảo hàng tháng cho phụ huynh và người giám hộ để đảm bảo học sinh đạt thành tích học tập và thành công ở trường học và cuộc sống. Phụ huynh được mời tham gia Ủy ban Cố vấn Học viên Tiếng Anh (ELAC), Hội đồng Cơ sở Trường học (SSC) và sê-ri Cà phê cùng Hiệu trưởng. Như vậy, phụ huynh có thể tác động đến chính sách của trường và chi tiêu quỹ công theo cách ảnh hưởng tích cực nhất đến con em mình. Trong năm học (không tính nghỉ lễ), SSC họp qua Zoom vào thứ Ba đầu tiên hàng tháng lúc 5:30. Thành viên có quyền bỏ phiếu được bầu hàng năm và tất cả phụ huynh đều có thể tự đề cử bản thân và ra tranh cử. Công chúng được phép tham gia các buổi họp và việc trao đổi với cộng đồng được khuyến khích. Chúng tôi luôn tìm kiếm các cách để tăng cường sự tham gia của phụ huynh và mong muốn được nghe ý kiến của bất kỳ phụ huynh nào muốn có vai trò lớn hơn trong việc học tập của con em mình. Nhà trường có các hội thảo phụ huynh do Cố vấn Học tập và Chuyên viên Gắn kết Phụ huynh và Cộng đồng tổ chức, cũng như hội thảo trao quyền cho phụ huynh do học khu tổ chức.

Chuyên viên Gắn kết Phụ huynh và Cộng đồng Maggie Rodriguez mong muốn được làm việc với phụ huynh, đảm bảo quyền tiếp cận SchoolLoop trực tuyến và tăng sự tham gia của phụ huynh theo cách ảnh hưởng tích cực đến học sinh. Quý vị có thể liên lạc với cô qua email Rodriguezm@esuhsd.org, hoặc gọi số (408) 928-9541.

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông bỏ học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trung học 2019-20	Trung học 2020-21	Trung học 2021-22	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Tỷ Lệ Bỏ Học		5.8	5.2		14.5	13.6		8.9	7.8
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp		88.5	89.1		78.4	81.5		84.2	87

Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp.

Nhóm Học sinh	Số trong niên khóa	Số tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp Tỷ Lệ Tốt Nghiệp
Bất kỳ học sinh	633	564	89.1
Nữ	304	278	91.4
Nam	329	286	86.9
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--
Người gốc Châu Á	246	238	96.7
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	13	11	84.6
Người Phi Luật Tân	122	116	95.1
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	191	144	75.4
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	11	11	100.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	23	22	95.7
Người Da trắng	24	22	91.7
Sinh viên nói tiếng anh	128	93	72.7
Những đứa con nuôi	0	0	0.0
Vô gia cư	--	--	--
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	387	327	84.5
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho	--	--	--
Học sinh khuyết tật	64	44	68.8

Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt kinh niên
Bất kỳ học sinh	2909	2817	695	24.7
Nữ	1395	1349	344	25.5
Nam	1513	1467	351	23.9
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	7	7	3	42.9
Người gốc Châu Á	1037	1028	96	9.3
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	63	58	27	46.6
Người Phi Luật Tân	456	452	73	16.2
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	1133	1070	442	41.3
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	35	32	7	21.9
Người mang Hai hoặc Nhiều Chứng tộc	78	77	19	24.7
Người Da trắng	96	92	28	30.4
Sinh viên nói tiếng anh	643	614	185	30.1
Những đứa con nuôi	10	9	8	88.9
Vô gia cư	30	27	20	74.1
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	1532	1475	484	32.8
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	16	15	1	6.7
Học sinh khuyết tật	314	299	160	53.5

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 2 năm sau, một phần của năm học do đại dịch COVID-19. Các dữ liệu về tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học không được so sánh với dữ liệu của các năm khác do năm học 2019 – 20 chỉ diễn ra một phần vì dịch COVID-19. Do đó, việc so sánh tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học trong năm học 2019 – 20 với các năm trước là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Học khu 2019-20	Tiểu bang 2019-20
Đình chỉ	3.97	2.87	2.45
Đuổi học	0.10	0.03	0.05

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 6 năm sau, tương ứng với một năm học.

Dữ liệu được thu thập trong năm học 2020 – 2021 sẽ không so sánh được với những năm học trước do sự khác biệt trong phương thức học tập để đối phó với đại dịch COVID-19.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Đình chỉ	0.03	4.16	0.03	3.41	0.20	3.17
Đuổi học	0.00	0.24	0.00	0.08	0.00	0.07

Tình trạng đình chỉ và buộc thôi học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Tỷ lệ Học sinh Bị đình chỉ	Tỷ lệ Học sinh Bị đuổi học
Bất kỳ học sinh	4.16	0.24
Nữ	2.87	0.22
Nam	5.35	0.26
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Châu Á	1.06	0.10
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	25.40	3.17
Người Phi Luật Tân	1.97	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	6.80	0.26
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	2.86	0.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	5.13	1.28
Người Da trắng	3.13	0.00
Sinh viên nói tiếng anh	5.60	0.16
Những đứa con nuôi	0.00	0.00
Vô gia cư	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	5.74	0.46
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	6.25	0.00
Học sinh khuyết tật	12.42	0.32

Kế hoạch đảm bảo an toàn trong trường học năm học 2022 – 2023

Kế hoạch an toàn của Independence rất chi tiết, toàn diện, nêu rõ giao thức, hệ thống và quy trình khi xảy ra bất kỳ/tất cả trường hợp khẩn cấp. Kế hoạch cũng bao gồm những mục tiêu an toàn hàng năm do học sinh, nhân viên và phụ huynh xác định. Kế hoạch An toàn được Ủy ban An toàn Independence thiết kế, do Ủy ban An toàn Học khu tái xét trước khi được trình lên cho Hội đồng Chương quản East Side Union High School District thông qua. Kế hoạch An toàn và quy trình diễn tập được tái xét trong năm học với toàn bộ nhân viên. Trong suốt năm học, cảnh báo an toàn được chia sẻ với toàn bộ nhân viên khi cần. Ngoài ra, mọi buổi diễn tập bắt buộc đều được lên lịch và triển khai, đồng thời kết quả được thông báo cho toàn thể nhân viên.

Ủy ban An toàn Independence họp hàng tháng để tái xét dữ liệu an toàn và trao đổi những giải pháp để giải quyết các vấn đề an toàn tiềm tàng. Ngoài ra, ủy ban đánh giá tiến độ của các mục tiêu hàng năm và quyết định những mục tiêu cho năm sau. Tuân theo Đánh giá Mục tiêu Hàng năm của Kế hoạch An toàn năm học 2021 – 2022 hiện được phê duyệt, Mục tiêu An toàn cho 2022-2023 là:

- 1: Cải thiện tỷ lệ đình chỉ để tương đương hoặc thấp hơn, tỷ lệ của Học khu, Quận và Tiểu bang.
 - 2: Cải thiện tỷ lệ chuyên cần, đặc biệt là tỷ lệ Vắng mặt Thường xuyên, để tương đương hoặc đáng kể hơn tỷ lệ của Quận và Tiểu bang.
 - 3: Tiếp tục triển khai và tinh chỉnh chiến lược Hệ thống Hỗ trợ Đa tầng (MTSS) Cấp 1 và Cấp 2 để hỗ trợ các vấn đề và hành vi Xã hội/Cảm xúc.
-

2019-20 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	27	24	75	19
Toán	30	12	43	37
Khoa học	31	11	39	37
Khoa học Xã hội	29	13	44	30

2020-21 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	26	29	81	7
Toán	29	12	47	32
Khoa học	29	12	39	34
Khoa học Xã hội	28	15	46	28

2021-22 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	26	29	80	4
Toán	27	21	53	19
Khoa học	28	12	54	16
Khoa học Xã hội	29	14	46	24

Tỷ lệ học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm	387.29

Nhân viên hỗ trợ học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số FTE được chỉ định cho Trường
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	7.0
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	
Nhà Tâm Lý Học	
Nhân viên Xã hội	2.0
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	
Khác	11.0

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên trung bình năm học 2020 – 2021 của trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	\$9,916	\$2,209	\$7,707	\$97,711
Học khu	Không có thông tin	Không có thông tin	\$7,916	\$100,753
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-2.7	-3.1
Tiểu bang	Không có thông tin	Không có thông tin	\$6,594	\$94,126
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	15.6	3.7

Các loại dịch vụ được tài trợ năm học 2021 – 2022

Chính phủ tiểu bang hoặc liên bang cấp nguồn tài trợ cho nhà trường. Nguồn tài trợ cho từng trường được tạo ra để giải quyết nhu cầu cụ thể của học sinh và dựa trên luật được thông qua để giải quyết nhu cầu đó. Ví dụ: Điều I nhằm giúp đỡ những ảnh hưởng của đói nghèo bằng cách hỗ trợ thêm cho giáo dục của học sinh. Điều III nhằm hỗ trợ Học viên Tiếng Anh và học sinh nhập cư đạt thành tích học tập. Mỗi nguồn tài trợ cho từng mục tiêu có công thức để xác định mức độ phân bổ tài chính. Một số nguồn được xác định bằng tỷ lệ ghi danh (Hệ thống Dữ liệu Giáo dục Cơ bản của California, CBEDS), số khác thì do đặc tính của học sinh (học sinh được nhận bữa trưa miễn phí hoặc giảm giá hay Học viên Tiếng Anh). Cách thức giải ngân của những nguồn tài trợ này ở cấp độ trường học được xác định trong Kế hoạch Duy nhất cho Thành tích của Học sinh, ban đầu được Hội đồng Cơ sở chấp thuận rồi được Hội đồng Chương quản phê duyệt.

Independence nhận được:

Tài trợ Điều 1 – Khoản tiền này được dùng để đảm bảo mọi học sinh đều có cơ hội công bằng, bình đẳng và đáng kể để nhận được nền giáo dục chất lượng cao và đạt được mức độ thành thạo tối thiểu.

Tài trợ Chương trình Trách nhiệm Giải trình Kiểm soát Địa phương – Khoản tài trợ này hỗ trợ các chương trình và dịch vụ bổ sung cho Học viên Ngôn ngữ Tiếng Anh và học sinh có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Các chương trình sau được các nguồn này tài trợ:

Chương trình Toán phục hồi, tập trung vào việc hỗ trợ học sinh đỗ CCSS Toán 1

Chương trình Cố vấn Bổ sung cho khối chín, Học viên Ngôn ngữ Tiếng Anh (ELL) và học sinh có nguy cơ.

Trung tâm Hướng dẫn/Bài tập về nhà

Chương trình AVID

Nhóm Đa Dịch vụ, cung cấp nhiều dịch vụ cố vấn trực tiếp cho học sinh và phụ huynh, cũng như giới thiệu đến các cơ quan dịch vụ xã hội của Quận Santa Clara

Cố vấn học tập, chú trọng vào các học sinh thuộc AVID, Phát triển Trình độ Anh ngữ (ELD) và Tiêu đề Một. Tiền được phân bổ để mua máy tính cho học sinh và công nghệ liên quan (bảng thông minh, máy ảnh tài liệu, iPad, máy tính, phần mềm, v.v.) để học sinh sử dụng hoặc để phục vụ học sinh. Các giai đoạn nguồn lực bổ sung cho việc tập huấn giảng dạy để giúp ích cho học sinh cũng được triển khai.

Nhà trường còn được nhận tài trợ Bồi dưỡng và An toàn cho Thiếu niên sau giờ học (ASSET) của Goodwill, để tài trợ hoạt động dạy kèm và các chương trình sau giờ học cho học sinh, để các em được tham gia vào cuộc sống ở trường học và được an toàn ở cộng đồng chúng ta.

Lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Học khu Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$61,991	\$55,947
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$97,975	\$90,080
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$125,613	\$117,121
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)		
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)		\$146,364
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$158,501	\$164,633
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$292,671	\$261,984
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	34%	31%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	3%	5%

Khóa học cho Lớp nâng cao (AP) năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết phần trăm học sinh trong các khóa học AP tại trường.

Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP	24
---	----

Bảng này cho biết số lượng các khóa học AP được cung cấp tại trường có ít nhất một học sinh đăng ký khóa học.

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp
Khoa Học Máy Tính	2
Tiếng Anh	6
Mỹ thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn	2
Ngoại ngữ	6
Toán	8
Khoa học	10
Khoa học Xã hội	11
Tổng số khóa học AP đã cung cấp	45
Trường hợp có tối thiểu một học sinh đăng ký khóa học.	

Phát triển Chuyên môn

Trong năm học 2022 – 2023, Nhóm Phát triển Chuyên môn của Independence High School tiếp tục họp mặt, lên kế hoạch và thực hiện một loạt các cơ hội hợp tác và học hỏi để giúp thúc đẩy công tác giảng dạy. Ủy ban này đã tập hợp một số phương thức học tập cho giáo viên để bắt kịp các xu hướng giáo dục hiện nay. Quận có cung cấp các cơ hội phát triển chuyên môn khác, một số nhân viên nhà trường đang tham dự nhiều hội thảo liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của mình, các phương pháp thực hành phù hợp về văn hoá và giảng dạy nội dung.-----

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2020-21	2021-22	2022-23
Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên	34	22	37